TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26-3-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Công Sết.

Ông Dương Văn Lũy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thy là thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng là Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 489/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh ngày 22-3-1993. Cư trú đội 2, thôn N, xã G, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn Nh, sinh ngày 18-10-1986. Cư trú ấp H1 1, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 28-10-2020 và bản tự khai của Chị Nguyễn Thị P trình bày:

Chị P và anh Nh được Ủy ban nhân dân xã H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 0053/2015, quyển số 01/2015 ngày đăng ký 15-4-2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở trọ, sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chung sống được một khoảng thời gian thì vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn.

Từ tháng 7 năm 2015 do quá bất mãn cuộc sống vợ chồng với anh Nh nên Chị P đem con về sinh sống với mẹ ruột của Chị P tại huyện P, tỉnh Thừa Thiên

Huế. Từ đó, anh Nh chỉ có một lần thăm Chị P và con nhỏ rồi trở lại Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống cho tới nay. Hơn 01 năm, thấy con cứng cáp, Chị P gửi lại con nhỏ cho mẹ ruột trông giữ, Chị P trở lại Thành phố Hồ Chí Minh chung sống với anh Nh được một khoảng thời gian nhưng anh Nh không chịu sửa đổi tính tình, vẫn ngoại tình với cô gái khác. Chị P nán lại ở chung với anh Nh được vài tháng thì Chị P dọn đồ đạc cá nhân ra Hà Nội sinh sống tới nay. Kể từ ngày Chị P sinh sống ở Hà Nội, anh Nh không màng thăm hỏi nên Chị P cũng không quan tâm, hỏi thăm. Vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2016 đến nay. Chị P yêu cầu ly hôn với anh Nh.

Về quan hệ con chung: Chị P và anh Nh có được 01 đứa con tên Phạm Nguyễn Tuấn Kiệt, sinh ngày 15-7-2015 theo Giấy khai sinh số 88/2015, Quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân H cấp ngày 27-7-2015, con đang sống cùng với Chị P. Khi ly hôn, Chị P yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng cho con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48, 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Chị P đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, bị đơn đã không chấp hành nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chị P yêu cầu ly hôn với anh Nh là có cơ sở chấp nhận. Chị Nho được trực tiếp nuôi con Phạm Nguyễn Tuấn Kiệt, sinh ngày 15-7-2015 là đảm bảo điều kiện sinh hoạt, môi trường sống ổn định cho con. Chị P không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng cho con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

Bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 0053/2015, quyển số 01/2015 ngày 15-4-2015 của Ủy ban nhân dân xã H cấp cho Chị P và anh Nh.

Bản sao giấy khai sinh số 88/2015, quyển số 01/2015 ngày 27-7-2015 của Ủy ban nhân dân xã H cấp cho trẻ Phạm Nguyễn Tuấn Kiệt.

Biên bản xác minh về nơi cư trú của anh Phạm Văn Nh ngày 17-12-2020 của Công an xã Hòa Lạc.

Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của Chị P và anh Nh ngày 05-02-2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Chị P có đơn khởi kiện đối với anh Nh về yêu cầu ly hôn, nuôi con. Anh Nh có địa chỉ cư trú tại ấp H1 1, xã H, huyện P, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án xác định là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Chị P và anh Nh xác lập quan hệ hôn nhân đều tự nguyện, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã H cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 15-4-2015 nên hôn nhân hợp pháp được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuy nhiên, Chị P cho rằng vợ, chồng chung sống được một khoảng thời gian thì không còn hòa hợp, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn, anh Nh ngoại tình với cô gái khác và vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay, anh Nh không màng thăm hỏi nên Chị P cũng không quan tâm, hỏi thăm anh Nh. Qua ý kiến của Chị P, Tòa án tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của Chị P với anh Nh thì kết quả như sau "thời điểm năm 2018, anh Nh có về địa phương xã Hòa Lạc dự đám tang của cha ruột là ông Phạm Văn Thum, thời điểm này không có Chị P đi cùng. Hiện tại, không biết anh Nh sinh sống ở đâu và làm gì". Như vậy, khi gia đình bên chồng có tang lễ thì đáng lẽ Chị P phải cùng anh Nh về chịu tang cho cha chồng theo tục lệ nhưng kết quả xác minh thể hiện Chị P không có mặt, thực hiện nghĩa vụ của người con dâu đối với gia đình bên chồng. Điều này chứng minh cho việc Chị P với anh Nh đã thật sự chấm dứt tình nghĩa vợ, chồng, không còn quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, vẫn tiếp tục sống ly thân, bỏ mặc nhau về đời sống gia đình.

Mặt khác, kể từ thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình, Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Nh không có văn bản ý kiến, đồng thời Chị P không muốn hàn gắn tình cảm vợ, chồng thể hiện qua việc yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 54 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Do đó, Chị P yêu cầu ly hôn với lý do vợ, chồng không còn hòa hợp, không còn sống chung, quan tâm với nhau phù hợp với thực tế đã xảy ra. Tòa án có cơ sở xác định Chị P và anh Nh đã không còn nghĩa vụ vợ, chồng, hôn nhân lâm vào tình

trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài theo quy định Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Khi ly hôn, Chị P yêu cầu nuôi con Phạm Nguyễn Tuấn Kiệt do đang sống cùng với Chị P kể từ năm 2016 đến nay. Thời gian vợ, chồng ly thân, Chị P thực hiện tốt trách nhiệm của người mẹ trong việc chăm sóc, dưỡng nuôi, giáo dục con. Bên cạnh đó, anh Nh có nơi ở không ổn định, không xác định được địa chỉ mới của anh Nh đang sinh sống, cũng như việc làm ổn định. Theo đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con về điều kiện sinh hoạt, có môi trường sống ổn định. Tòa án chấp nhận yêu cầu của Chị P được trực tiếp nuôi con Phạm Nguyễn Tuấn Kiệt, sinh ngày 15-7-2015. Chị P không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng cho con nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Chị P thống nhất không có tài sản chung và nợ chung với anh Nh. Vì vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 288 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 5, Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Nguyễn Thị P đối với bị đơn anh Phạm Văn Nh.

Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Phạm Văn Nh.

Giấy chứng nhận kết hôn số 0053/2015, quyển số 01/2015 ngày đăng ký 15-4-2015 do Ủy ban nhân dân xã H cấp cho Chị P và anh Nh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi con Phạm Nguyễn Tuấn Kiệt, sinh ngày 15-7-2015. Chị P không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Anh Nh không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên

lai số TU/2019/0001747 ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Chị P, anh Nh vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Ủy ban nhân dân xã H;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tâm Nhân